

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 13-8-2018
V/v Ly hôn,
tranh chấp chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hoa
2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2018/TLST-HNGĐ ngày 28-5-2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại 0944.....

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn V**, sinh năm 1998 (vắng mặt, nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp NT, xã VDK, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại 0125.....

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 08/5/2018, biên bản hòa giải ngày 13/7/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:*

Chị và anh V được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới ngày 19/11/2017 âm lịch đến nay không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng tại ấp NT, xã VKĐ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống tôi xác định không hạnh phúc được ngày nào. Nguyên nhân, giữa chị và anh V luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau nên đã thật sự ly thân nhau từ ngày 15/3/2018 âm lịch đến nay;

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung;

Về tài sản: Khi cưới cha mẹ ruột chị cho 20 chỉ vàng 24k (9999), cha mẹ chồng cho 15 chỉ vàng 24k, hiện nay chị đang quản lý 15 chỉ, anh V giữ 20 chỉ;

Về nợ: Trước đây chị có khởi kiện và yêu cầu mẹ chồng là bà Nguyễn Thị S và chồng chị là anh Trần Văn V phải trả lại chị 05 chỉ vàng 24k để chị sở hữu, nhưng nay xác định mẹ chồng và chồng không có nợ chị và cũng xác định vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Trần Văn V;
2. Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia và đã phân chia xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại tờ tường trình ngày 21/6/2018 và biên bản hòa giải ngày 13/7/2018 và trong quá trình xét xử bị đơn anh Trần Văn V trình bày:* Về thời gian anh và Phạm Thị H được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới đến nay không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với cha mẹ tại ấp NT, xã VKĐ, huyện An Minh. Theo anh vợ chồng thật sự hạnh phúc được khoảng 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không hợp nhau, nên có vài lần xảy ra cự cãi nên H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột chung sống và vợ chồng đã thật sự ly thân nhau từ ngày 15/3/2018 âm lịch đến nay, vợ chồng chưa có con chung; về tài sản chung; vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng là hoàn toàn đúng như ý kiến trình bày của H nêu trên, anh không trình bày gì thêm.

Nay theo yêu cầu của H, anh có ý kiến như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn với Phạm Thị H;
2. Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia và đã phân chia xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
4. Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại tờ tường trình ngày 13/7/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S (X) trình bày và yêu cầu như sau: Khi cưới vợ chồng bà có cho H - V 15 chỉ vàng 24k và 01 đôi bông vàng 18k, gia đình cha mẹ H cho 20 chỉ vàng 24k và 10 triệu đồng. Sau khi cưới toàn bộ số vàng này đều do vợ chồng H - V quản lý, bà không biết gì đến số vàng này, do đó xác định bà không liên quan gì trong vụ án này.*

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn chị Phạm Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn anh Trần Văn V vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S (X) xác định không liên quan gì trong vụ án này, đồng thời tại biên bản hòa giải ngày 13/7/2018 nguyên đơn chị Phạm Thị H và bị đơn anh Trần Văn V cũng thống nhất xác định bà Nguyễn Thị S không có liên quan gì trong vụ án. Do đó, sau khi hòa giải Tòa án đã xác định được bà Nguyễn Thị S không liên quan gì trong vụ án này, nên không đưa bà S vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi hòa giải không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn anh Trần Văn V (đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đương sự), nhưng anh V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đồng thời tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị H không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Trần Văn V theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn V chung sống với nhau năm 2017, đến nay không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, nay chị H có yêu cầu ly hôn, thì theo quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án tuyên bố không công nhận hai người là vợ chồng.

- Về quan hệ nuôi con chung: Giữa nguyên đơn chị Phạm Thị H và bị đơn anh Trần Văn V đã cùng nhau thống nhất xác định, vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung: Khi gửi đơn khởi kiện chị Phạm Thị H xác định vợ chồng có tài sản chung và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Vợ chồng có 15

chỉ vàng 24k và đôi bông tai vàng 18k do gia đình bên chồng cho và 05 chỉ vàng 24k là tài sản riêng của chị, nhưng bà Nguyễn Thị S và anh Trần Văn V quản lý toàn bộ.

Khi ly hôn, yêu cầu bà S, anh V giao trả lại 05 chỉ vàng 24k để chị sở hữu.

Đến tại phiên hòa giải ngày 13/7/2018, giữa chị H và anh V đã cùng nhau thống nhất xác định, vợ chồng tự thỏa thuận phân chia và đã phân chia xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị H đã có đơn xin rút phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản đối với bị đơn anh V theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh V không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn chị H. Việc nguyên đơn chị H rút phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản đối với bị đơn anh V là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội, nên cần đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản của nguyên đơn chị H đối với bị đơn anh V.

- Về quan hệ nợ chung: Nguyên đơn chị H và bị đơn anh V cùng thống nhất xác định, vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn chị Phạm Thị H có đơn yêu cầu xin ly hôn nên chị H phải chịu **300.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn; Hoàn trả lại cho chị Phạm Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp đối với yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Văn V.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Không xem xét.

3 - Về quan hệ tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện chia tài sản của nguyên đơn chị Phạm Thị H đối với bị đơn anh Trần Văn V

4 - Về quan hệ nợ chung: Không xem xét.

5 - Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là **300.000** đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 725.000 đồng theo biên lai số 0008745 ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh; chị H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là **425.000** đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 13/8/2018); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Linh